

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 06-01-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ hai, đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 04/10/2022, bản tự khai ngày 11/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn X năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 17/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhà của bố mẹ đẻ anh X được khoảng 06 tháng hai vợ chồng mua đất, xây nhà ra ở riêng. Đến năm 2013, bán nhà riêng của vợ chồng, về xây nhà trên đất của bố mẹ anh X cho. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc được 04 năm. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ cuối năm 2012 do phong cách sống không còn phù hợp, anh X nghiện uống rượu, đánh bạc cùng bạn bè làm suy sụp kinh tế gia đình, nghi ngờ chị sống không chung thủy. Sau khi uống rượu, anh X thường xuyên mắng vợ, lần nào chị có góp ý thì anh lại lấy cớ để đánh chị. Chị phải bỏ đi thuê nhà trọ để ở nhiều lần. Từ ngày 19/6/2022 đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Hai bên gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành do anh X không thay đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh X.

Về con chung: Anh chị có 01 con Nguyễn Phương T, sinh ngày 17/11/2009. Khi ly hôn, chị đồng ý để cháu T cho anh X nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị tự nguyện đóng góp với anh X 2.000.000<sup>d</sup>/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ; vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà xây trên đất của bố mẹ để anh X cho, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh X không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, theo lời trình bày và yêu cầu của chị H; Tòa án tiến hành xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh X nhưng anh X không đến Tòa án để trình bày lời khai; không tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn L trưởng thôn Đ nhận để giao lại cho anh X, anh X đều đã nhận đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn anh X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn X.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 17/11/2009 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H nhận tự nguyện đóng góp với anh X số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, cần được chấp nhận.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị H có đơn xin ly hôn đối với anh X là bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đây là loại vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh X vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chị H, anh X kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 17/6/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm. Mâu thuẫn vợ chồng bắt

đầu phát sinh từ cuối năm 2012 do phong cách sống không còn phù hợp, anh X nghiện uống rượu, đánh bạc cùng bạn bè làm suy sụp kinh tế gia đình, nghi ngờ chị sống không chung thủy. Sau khi uống rượu, thường xuyên mắng vợ, lần nào chị có góp ý thì anh lại đánh chị. Chị phải bỏ đi thuê nhà trọ để ở nhiều lần, lần cuối cùng từ tháng 6/2022 từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm cuộc sống chung. Gia đình hai bên, trưởng thôn đã nhiều lần phân tích, hòa giải, động viên để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng không thành do anh X không sửa chữa. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H có căn cứ, cần được chấp nhận, nên xử cho chị H được ly hôn anh X là phù hợp theo quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con Nguyễn Phương T, sinh ngày 17/11/2009. Chị X đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh X nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của đương sự, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ1 và người làm chứng thể hiện anh X có chỗ ở, việc làm ổn định, thu nhập kinh tế mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu T đảm bảo cho cháu ăn học, sinh hoạt. Cháu T có nguyện vọng được ở với anh X khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cháu T cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị H nhận tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng cho con với anh X 2.000.000<sup>d</sup>/tháng, tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 17/11/2009 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000<sup>d</sup> (hai triệu đồng)/01 tháng với anh X, tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu: AA/2021, số: 0001803 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng còn phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã Đ1, huyện K, HP;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**